

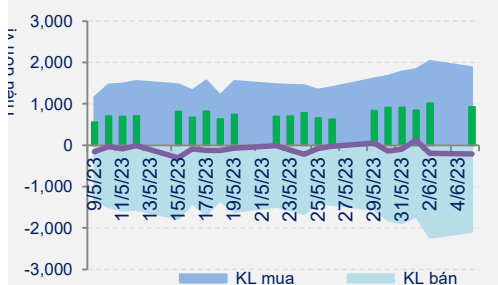
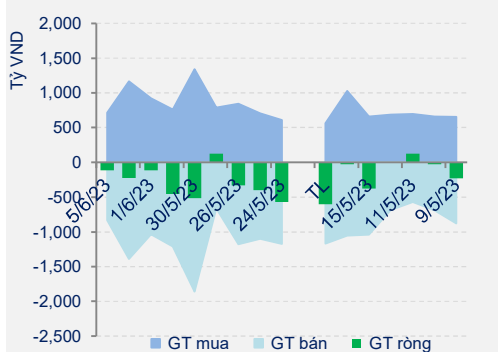
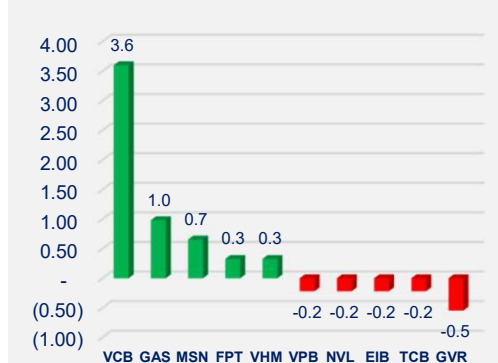
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

5/6/2023

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,097.82	226.56
% Thay đổi	↑ 0.64%	↑ 0.23%
KLGD (CP)	932,088,916	111,730,225
GTGD (tỷ đồng)	17,549.28	1,695.65
Tổng cung (CP)	2,096,023,727	175,816,500
Tổng cầu (CP)	1,887,961,724	148,669,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	27,871,700	438,763
KL mua (CP)	23,945,300	779,230
GT mua (tỷ đồng)	716.14	22.48
GT bán (tỷ đồng)	828.90	7.12
GT ròng (tỷ đồng)	(112.76)	15.36

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sau diễn biến bùng nổ cuối tuần trước, VN-INDEX tạo khoảng trống tăng giá lên vùng 1.100 điểm ngay từ đầu phiên hôm nay và mặc dù chịu áp lực chốt lãi trong suốt cả phiên khiến đà tăng giảm dần nhưng chỉ số kết phiên tăng 6,98 điểm (0,64%) lên 1.097,82 điểm, cao hơn giá cao nhất ngày 21/02/2023. HNX-INDEX đóng cửa tăng 0,53 điểm (0,23%) lên mức 225,56 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết khá cân bằng khi có tổng cộng 298 mã tăng điểm (31 mã tăng trần), 299 mã giảm giá (11 mã giảm sàn) và 84 mã giữ giá tham chiếu, thể hiện áp lực bán đang gia tăng ở nhiều mã trong nhóm vốn hóa vừa và nhỏ.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết duy trì ở mức cao, đạt 19.240.64 tỷ đồng, tiếp tục gia tăng vượt mức trung bình khi dòng tiền vẫn đang luân chuyển tích cực trong thị trường. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng với giá trị 112,44 tỷ đồng trên HOSE, mua ròng trên HNX với giá trị 15,36 tỷ đồng.

Với tín hiệu kỹ thuật VN-INDEX sau hơn 01 năm giá vượt đường giá trung bình MA200 cũng như thị trường thế giới phục hồi tốt trong cuối tuần đã cải thiện tâm lý cho nhà đầu tư; bên cạnh những thông tin phát hành tăng vốn các cổ phiếu ngân hàng đã duy trì đà tăng tích cực cho nhóm này như NVB (+9,40%), VCB (+3,27%), SHB (+2,49%), LPB (+2,00%)... ngoài nhiều mã chịu áp lực điều chỉnh với EIB (-2,59%), OCB (-1,90%), TCB (-0,93%).

Tuy nhiên thị trường đã phân hóa hơn khi nhiều mã chịu áp lực bán ngắn hạn như các nhóm cổ phiếu chứng khoán với CTS (-3,61%), FTS (-3,52%), BVS (-3,21%), BSI (-2,98%).. nhóm khu công nghiệp với VGC (-2,89%), KBC (-2,62%), SZC (-2,07%), IDC (-1,67%)... trong nhóm đầu tư công; xây dựng; vật liệu xây dựng với BCC (-2,24%), FCN (-1,99%), LCG (-1,83%), HHV (-1,70%), KSB (-1,67%)...

Trong khi đó dòng tiền có sự luân chuyển khiến cho thanh khoản tăng đột biến ở một số mã trong nhóm vận tải biển, cảng biển như HAH (+6,99%), VOS (+ 6,72%), DXP (+6,56%), DVP (+3,26%)... nhóm hóa chất, phân bón như DGC (+4,97%), CSV (+3,01%), BFC (+3,87%), LAS (+3,70%), DCM (+3,04%)... hay các mã cổ phiếu ngành thủy sản như VHC (+4,29%), MPC (+3,98%), ANV (+2,98%), CMX (+1,06%)...

Nhóm cổ phiếu điện cũng có diễn biến tích cực với thanh khoản gia tăng mạnh ở nhóm nhiệt điện trong tình hình thời tiết nắng nóng hiện nay như PPC (+4,79%), QTP (+3,82%), PGV (+2,23%), POW (+2,20%)...

Các cổ phiếu ngành bất động sản đa số chịu áp lực bán, điều chỉnh với thanh khoản trên mức trung bình khi thị trường có dấu hiệu dịch chuyển sang các mã cơ bản tốt với NDN (-6,25%), DXG (-3,30%), DIG (-2,75%), NVL (-2,53%), CII (-2,20%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu dầu khí phân hóa trái chiều, nhóm mã vận tải biển, lọc dầu có diễn biến tích cực với thanh khoản gia tăng như PVP (+3,03%), VIP (+2,35%), BSR (+2,33%)... bên cạnh các mã chịu áp lực điều chỉnh nhẹ với thanh khoản ở mức trung bình như PVC (-0,55%), PVD (-0,41%)..

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2306 tăng 3,88 điểm (-0,78%), mức chênh lệch thu hẹp còn -3,83 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm 28,94% so với phiên trước, khối lượng mở OI giảm. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2306 vẫn tích lũy tích cực chưa tương đồng với VN30. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2307, VN30F2309, VN30F2312 chênh lệch từ -7,28 điểm đến -18,78 điểm. Cho thấy các trader vẫn đang lạc quan về xu hướng ngắn hạn của VN30 và gia tăng phòng ngừa rủi ro giảm điểm của VN30 ở khung thời gian lớn hơn.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Sau phiên bùng nổ cuối tuần qua, hôm nay thị trường tiếp tục duy trì xu hướng tăng theo đà và trong phiên có thời điểm VnIndex vượt 1.100 điểm, tuy nhiên lực bán về cuối phiên làm đà tăng của thị trường chững lại, diễn biến thông thường sau nhịp bùng nổ mạnh. Chúng tôi đã dự báo về xu hướng tăng mạnh và đáng tin cậy trong các bản tin thời gian qua và hiện tại VnIndex đang đi đúng xu hướng tăng ngắn hạn hướng tới khu vực 1.120 điểm - 1.150 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục mạnh lên, phiên đầu tuần VN-Index tiếp tục duy trì đà tăng và đóng cửa ở 1.097,82 điểm (+6,98 điểm, +0,64%). Xu hướng tích cực trong ngắn hạn của VN-Index đã được xác nhận dựa trên các nền tảng tích lũy tin cậy, bùng nổ thời gian qua và đã được chúng tôi dự báo sớm trong các bản tin của SHS. Mặc dù thị trường có thể sẽ sớm đối diện với nhịp điều chỉnh sau khi liên tục tăng nhanh trong vài phiên vừa qua, nhưng với nền tảng tích cực trước đó việc điều chỉnh sẽ không ảnh hưởng đến xu hướng chung và mục tiêu của VNIndex vẫn được duy trì là hướng tới vùng 1.150 điểm.

Dưới góc nhìn Trung- Dài hạn thị trường vẫn tích lũy trong một khu vực rộng từ 1.000 điểm - 1.150 điểm và sẽ có cơ hội hình thành uptrend nếu VN-Index tiếp tục tích lũy và sau đó bùng nổ vượt 1.150 điểm. Tuy nhiên vẫn còn khá sớm để dự báo về uptrend và cũng cần thêm sự hỗ trợ từ các yếu tố vĩ mô tích cực. Với các yếu tố vĩ mô và thị trường hiện tại chúng tôi nhận định thị trường đã chuyển đổi sang giai đoạn hậu tích lũy và đang khởi động quá trình tạo dựng uptrend.

Nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem xét mua vào trong các phiên điều chỉnh đối với các cổ phiếu thu hút được dòng tiền và vận động tích cực. Nhà đầu tư trung và dài hạn sau khi đã cơ cấu được danh mục hợp lý như khuyến nghị có thể tận dụng các giai đoạn điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng. Mục tiêu giải ngân nên lựa chọn các cổ phiếu đầu ngành có nền tảng cơ bản tốt, các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng ổn định đang vận động trong trạng thái tích lũy.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

5/6/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
KBC	27.90	25-26.5	31-32	25	10.6	221.4%	95.7%	Theo dõi chờ giải ngân
PVD	24.20	22.5-23.8	26.5-27.5	22	514.9	7.1%	217.2%	Theo dõi chờ giải ngân
GVR	18.35	16-17	20.5-21	15	22.2	-15.5%	-47.9%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	42.85	38-39	48-49	37	4.2	0.4%	-40.5%	Theo dõi chờ giải ngân
HCM	26.85	25-26.6	30-31	23	17.7	-41.0%	-56.2%	Theo dõi chờ giải ngân
LCG	13.40	12.5-13.2	15-15.5	12	16.8	33.6%	-79.2%	Theo dõi chờ giải ngân
LPB	15.30	14-14.6	16.3-16.8	13	5.8	0.0%	-12.5%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
9/3/23	CSV	32.50	26.40	34-36	30.5	23.11%	Nắm giữ
30/3/23	BVS	24.10	18.00	24-26	23	33.89%	Nắm giữ
31/3/23	PTB	48.70	40.00	52-54	45	21.75%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	31.10	25.10	33-34	29	23.90%	Nắm giữ
5/5/23	ITC	12.80	9.08	13.5-14.2	12	40.97%	Nắm giữ
8/5/23	PVT	21.65	20.45	26-27	20.5	5.87%	Nắm giữ
9/5/23	VOS	12.70	11.00	14.5-15.5	11.8	15.45%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	13.60	12.75	18-18.5	12.5	6.67%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	60.40	54.80	65-67	57	10.22%	Nắm giữ



TIN DOANH NGHIỆP

Thủ tướng Australia công bố khoản hỗ trợ hàng trăm triệu dollar với Việt Nam

Thủ tướng Australia công bố hỗ trợ 105 triệu dollar Australia cho Việt Nam dành cho hợp tác ứng phó biến đổi khí hậu, chuyển đổi năng lượng và cơ sở hạ tầng. Đồng thời, phía Australia cũng sẽ mở rộng chương trình thực hiện các nghiên cứu chung trong nông nghiệp ứng dụng với Việt Nam.

Tăng trưởng tín dụng TPHCM trong 5 tháng đạt 2.43%

Ông Nguyễn Đức Lệnh - Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chi nhánh TPHCM cho biết tín dụng trên địa bàn TPHCM 5 tháng đầu năm ước tăng khoảng 2.43% so với cuối năm 2022 (so với khoảng 3.17% của cả nước), trong đó dư nợ tín dụng bằng VND tăng 2.21%; dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ tăng 6.46% so với cuối năm 2022.

OPEC+ nhất trí cắt giảm sản lượng khai thác dầu trong cả năm 2024

Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và các đối tác (OPEC+) quyết định điều chỉnh tổng sản lượng dầu thô chung xuống còn 40,46 triệu thùng/ngày bắt đầu từ ngày 1/1/2024 cho đến ngày 31/12/2024.

Xuất khẩu cà phê lập kỷ lục mới

Theo Trung tâm Chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), xuất khẩu cà phê tháng 5 ước đạt 165.000 tấn với giá trị đạt 396 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu cà phê 5 tháng đầu năm 2023 đạt 882.000 tấn và 2,02 tỉ USD, giảm 2,2% về khối lượng nhưng tăng 0,2% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái.

Đề xuất miễn tiền chậm nộp thuế cho doanh nghiệp bị thua lỗ năm trong 2022

Theo Bộ Tài chính, tính đến thời điểm cuối tháng 12/2022, tổng số tiền thuế nợ ngành thuế đang quản lý là 134.967 tỷ đồng (bao gồm cả nợ đang xử lý và nợ đang khiếu nại), chiếm 9,2% tổng số thu ngân sách nhà nước năm 2022. Số nợ thuế năm 2022 có xu hướng tăng so với các năm trước, nguyên nhân chủ yếu do hậu quả của dịch COVID-19 vẫn còn có tác động xấu đến nền kinh tế, ảnh hưởng đến người dân và doanh nghiệp.



TIN VÍ MÔ

STG: Kế hoạch lợi nhuận kỳ lục năm 2023 và không chi trả cổ tức

CTCP Kho vận Miền Nam (HOSE: STG) công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2023 với doanh thu 3,180 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế kỷ lục 406 tỷ đồng, tăng 60% so với thực hiện năm 2022, đây cũng là mức lợi nhuận sau thuế cao nhất từ trước đến nay.

Đất Xanh Miền Nam chậm trả 5 kỳ lãi trái phiếu

CTCP Đầu tư và Dịch vụ Đất Xanh Miền Nam (ĐXMN) vừa công bố thông tin bất thường về việc chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu MNRCH2123001. Nguyên nhân do chưa thu xếp kịp nguồn thanh toán. Về tình hình kinh doanh năm 2022, ĐXMN lỗ sau thuế 122 tỷ đồng, năm trước lãi gần 16 triệu đồng.

BCM lên kế hoạch phát hành 1,000 tỷ đồng trái phiếu để hoán đổi nợ

HĐQT Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (HOSE: BCM) đã công bố Nghị quyết về việc phát hành gói trái phiếu tổng mệnh giá 1,000 tỷ đồng cho đối tượng là nhà đầu tư trái phiếu chuyên nghiệp dự kiến tổ chức trong tháng 6/2023. Đây là đợt phát hành trái phiếu có đảm bảo của BCM với tài sản đảm bảo là các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Saigontourist lãi gần 290 tỷ sau một năm lỗ nặng

Theo công bố thông tin, Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH MTV (Saigontourist) cho biết lãi ròng hơn 289 tỷ đồng trong năm 2022, sau khi lỗ hơn 466 tỷ đồng trong năm 2021. Cụ thể, trong năm 2022, Saigontourist ghi nhận doanh thu thuần gần 4,114 tỷ đồng, gấp 3.6 lần so với năm trước. Doanh nghiệp vẫn lãi ròng hơn 289 tỷ đồng trong năm 2022, bỏ xa khoản lỗ hơn 466 tỷ đồng của năm 2021.

Vinaconex tiếp tục thoái vốn tại công ty con VCT

Nhằm cơ cấu khoản đầu tư, Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex, HOSE: VCG) đã hoàn tất hạ tỷ lệ sở hữu tại CTCP Tư vấn Xây dựng Vinaconex (Vinaconsult, UPCoM: VCT). Tính từ đầu năm 2023 đến nay, VCG đã thoái bớt vốn 4 công ty con liên tiếp.

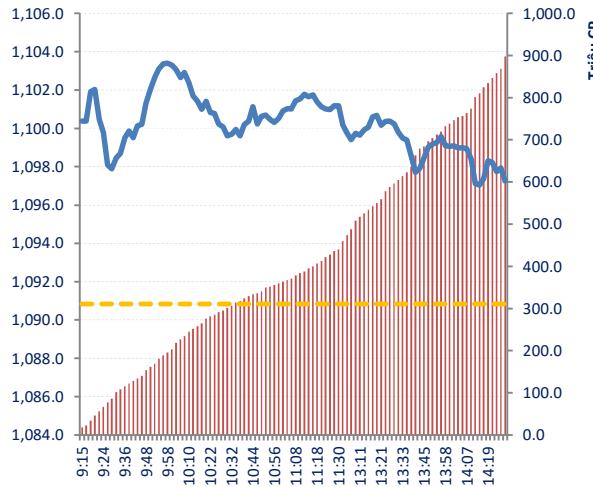
Nhiệt điện Hải Phòng (HND): Lợi nhuận tháng 5 đạt 88,38 tỷ đồng, tăng 64% so với tháng 4

HĐQT CTCP Nhiệt điện Hải Phòng (UPCoM: HND) đánh giá tháng 5, sản lượng điện sản xuất đạt 726,64 triệu kWh; Doanh thu sản xuất điện đạt 1.259,08 tỷ đồng (tăng 32,5% so với tháng 4); Lợi nhuận đã bao gồm chênh lệch tỷ giá đạt 88,38 tỷ đồng (tăng 64% so với tháng 4)

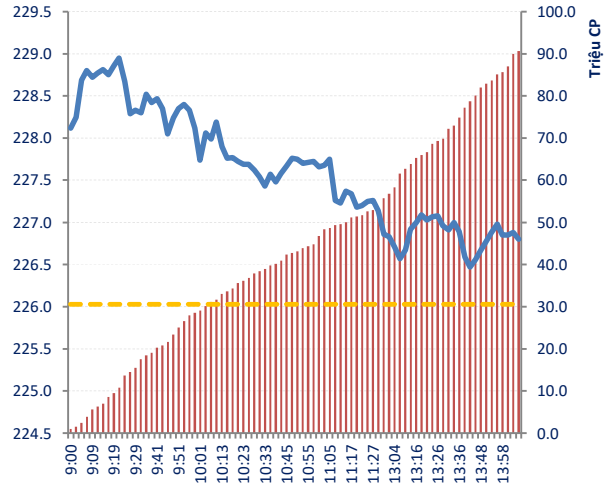


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

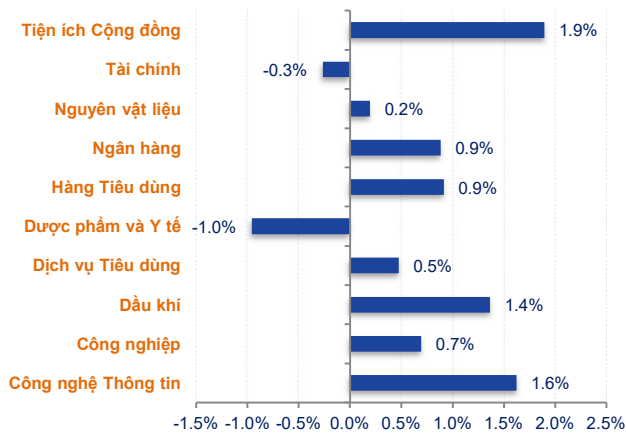
KLGD và VN-Index trong phiên



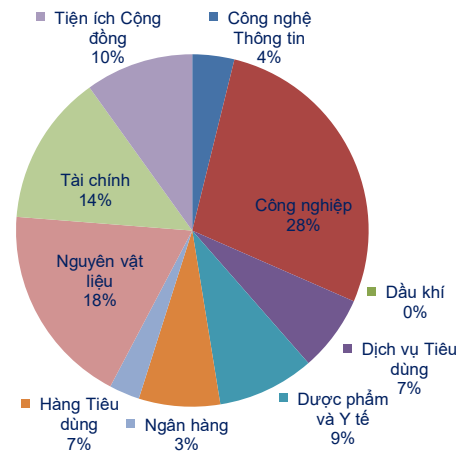
KLGD và HNX-Index trong phiên



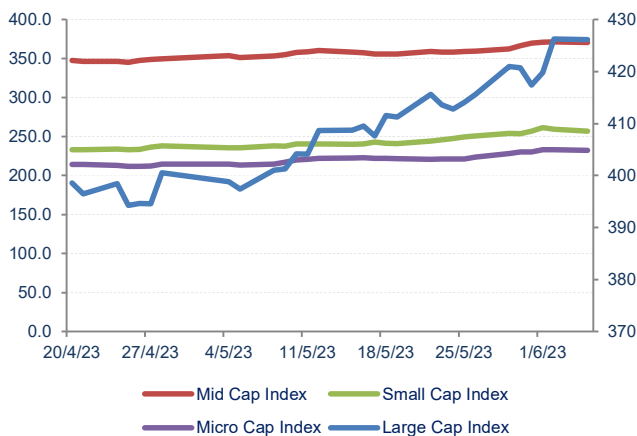
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



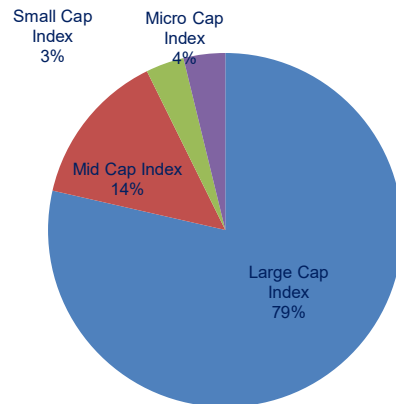
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SSI	1,456,400	VNM	1,458,900	1	PVS	504,300	SD5	102,600
2	VHM	923,500	HCM	1,190,700	2	CEO	30,430	NVB	99,900
3	KBC	885,200	CTG	1,114,000	3	PLC	30,000	NDX	58,000
4	HDB	801,800	VIX	1,095,300	4	DDG	29,080	BVS	31,000
5	POW	685,600	FUESSVFL	851,900	5	IDC	21,600	PCE	10,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	12.05	12.35	↑ 2.49%	50,781,100	SHS	12.00	12.00	→ 0.00%	20,143,460
VND	18.30	18.05	↓ -1.37%	38,173,900	CEO	26.90	26.60	↓ -1.12%	7,397,408
DXG	15.15	14.65	↓ -3.30%	29,658,400	HUT	18.20	18.30	↑ 0.55%	5,132,318
NVL	13.85	13.50	↓ -2.53%	25,723,400	PVS	31.00	31.10	↑ 0.32%	4,966,435
HSG	15.50	15.85	↑ 2.26%	24,917,400	IDJ	15.00	15.10	↑ 0.67%	4,370,822

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HAH	40.05	42.85	2.80	↑ 6.99%	SD6	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
QCG	7.59	8.12	0.53	↑ 6.98%	DAE	20.00	22.00	2.00	↑ 10.00%
C47	7.27	7.77	0.50	↑ 6.92%	VSM	17.10	18.80	1.70	↑ 9.94%
CMG	41.20	44.05	2.85	↑ 6.92%	CAN	34.40	37.80	3.40	↑ 9.88%
SVC	36.95	39.50	2.55	↑ 6.90%	BTW	38.50	42.30	3.80	↑ 9.87%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ABR	14.55	13.55	-1.00	↓ -6.87%	SDC	8.00	7.20	-0.80	↓ -10.00%
THI	27.00	25.15	-1.85	↓ -6.85%	VC9	7.10	6.40	-0.70	↓ -9.86%
KMR	3.99	3.72	-0.27	↓ -6.77%	MKV	11.20	10.10	-1.10	↓ -9.82%
SGR	25.15	23.55	-1.60	↓ -6.36%	SIC	35.70	32.20	-3.50	↓ -9.80%
CAV	57.00	54.00	-3.00	↓ -5.26%	SDG	19.40	17.50	-1.90	↓ -9.79%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	50,781,100	18.7%	2,610	4.6	0.8
VND	38,173,900	4.1%	487	37.6	1.5
DXG	29,658,400	-1.5%	(355)	-	0.7
NVL	25,723,400	1.8%	414	33.4	0.6
HSG	24,917,400	-9.7%	(1,761)	-	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	20,143,460	2.1%	224	53.5	1.0
CEO	7,397,408	7.5%	1,057	25.5	1.9
HUT	5,132,318	1.3%	146	124.7	1.6
PVS	4,966,435	5.6%	1,498	20.7	1.1
IDJ	4,370,822	8.0%	901	16.7	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HAH	↑ 7.0%	27.0%	10,274	3.9	0.9
QCG	↑ 7.0%	0.3%	49	154.6	0.5
C47	↑ 6.9%	2.9%	437	20.0	0.6
CMG	↑ 6.9%	10.4%	2,088	19.7	2.0
SVC	↑ 6.9%	11.9%	4,144	8.9	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SD6	↑ 10.0%	0.0%	(2)	-	0.3
DAE	↑ 10.0%	6.9%	1,805	11.1	0.8
VSM	↑ 9.9%	17.9%	3,898	4.4	0.7
CAN	↑ 9.9%	6.3%	1,822	18.9	1.2
BTW	↑ 9.9%	20.9%	5,397	7.1	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	1,456,400	6.9%	1,035	23.3	1.6
VHM	923,500	24.9%	8,269	6.5	1.4
KBC	885,200	11.2%	2,620	10.9	1.2
HDB	801,800	20.8%	3,174	6.0	1.2
POW	685,600	5.2%	729	18.7	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	504,300	5.6%	1,498	20.7	1.1
CEO	30,430	7.5%	1,057	25.5	1.9
PLC	30,000	9.8%	1,558	23.9	2.4
DDG	29,080	4.2%	546	16.8	0.7
IDC	21,600	34.3%	6,675	6.3	2.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	449,116	23.2%	6,533	14.5	3.1
VHM	232,523	24.9%	8,269	6.5	1.4
BID	226,116	19.7%	3,972	11.3	2.1
VIC	198,325	5.1%	1,800	28.9	1.5
GAS	176,083	24.1%	7,689	12.0	2.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	14,817	5.6%	1,498	20.7	1.1
THD	13,965	4.0%	672	59.3	2.3
IDC	13,860	34.3%	6,675	6.3	2.2
KSF	12,840	4.9%	1,094	39.1	1.9
BAB	11,918	9.6%	1,141	12.5	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	3.93	-0.4%	(48)	-	0.5
TTB	3.07	0.3%	27	102.8	0.3
DXG	2.95	-1.5%	(355)	-	0.7
FTS	2.82	5.6%	885	33.7	1.9
IBC	2.80	-5.6%	(1,044)	-	0.1

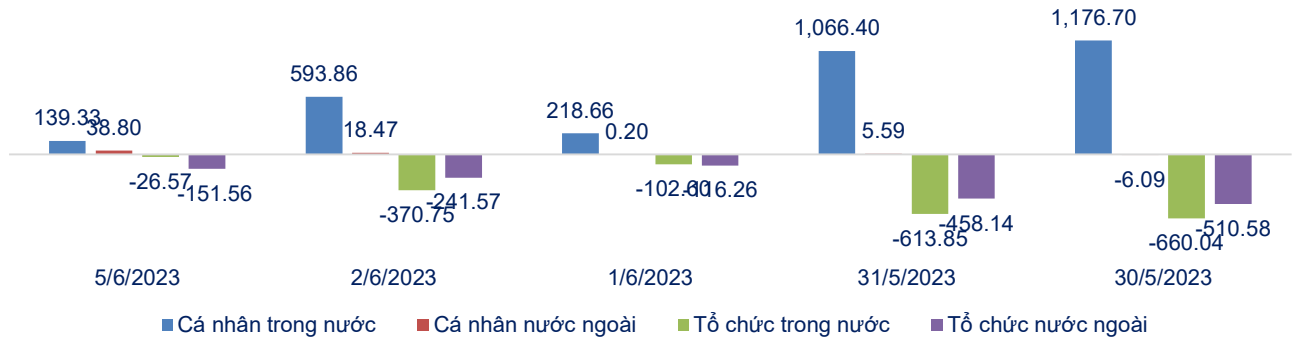
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	3.37	-10.2%	(1,273)	-	3.4
APS	2.85	-44.5%	(5,589)	-	1.3
API	2.76	8.2%	921	16.2	1.3
CEO	2.70	7.5%	1,057	25.5	1.9
LIG	2.56	0.0%	4	1,254.1	0.4



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	119.63	23.5%	3,881	17.0	4.0
VGC	41.59	13.6%	2,761	15.0	2.0
VRE	40.55	10.2%	1,488	18.2	1.8
HAH	35.22	27.0%	10,274	3.9	0.9
MSN	34.69	5.9%	1,537	47.0	2.8

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-78.85	4.1%	487	37.6	1.5
SSI	-65.26	6.9%	1,035	23.3	1.6
VHM	-55.10	24.9%	8,269	6.5	1.4
KBC	-31.44	11.2%	2,620	10.9	1.2
MBB	-27.42	23.1%	3,961	5.0	1.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	10.31	0.7%	114	189.1	1.3
POW	10.07	5.2%	729	18.7	0.9
HSG	6.93	-9.7%	(1,761)	-	0.9
VND	5.58	4.1%	487	37.6	1.5
KBC	4.66	11.2%	2,620	10.9	1.2

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	-3.42	1.8%	414	33.4	0.6
DGC	-1.37	47.4%	13,357	4.2	1.9
FUEVFVND	-1.14	N/A	N/A	N/A	N/A
VPB	-0.92	11.8%	1,796	11.0	1.3
SHB	-0.92	18.7%	2,610	4.6	0.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	71.19	4.1%	487	37.6	1.5
CTG	37.46	15.9%	3,548	8.1	1.2
SSI	30.11	6.9%	1,035	23.3	1.6
MBB	27.52	23.1%	3,961	5.0	1.1
VIX	24.12	0.7%	81	123.4	0.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VGC	-42.59	13.6%	2,761	15.0	2.0
POW	-38.16	5.2%	729	18.7	0.9
VRE	-26.40	10.2%	1,488	18.2	1.8
REE	-26.30	14.7%	6,708	9.2	1.3
FPT	-23.09	22.2%	5,060	16.6	3.4

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	49.50	24.9%	8,269	6.5	1.4
SSI	35.94	6.9%	1,035	23.3	1.6
KBC	20.50	11.2%	2,620	10.9	1.2
VCB	19.64	23.2%	6,533	14.5	3.1
CTD	15.85	0.2%	183	346.6	0.6

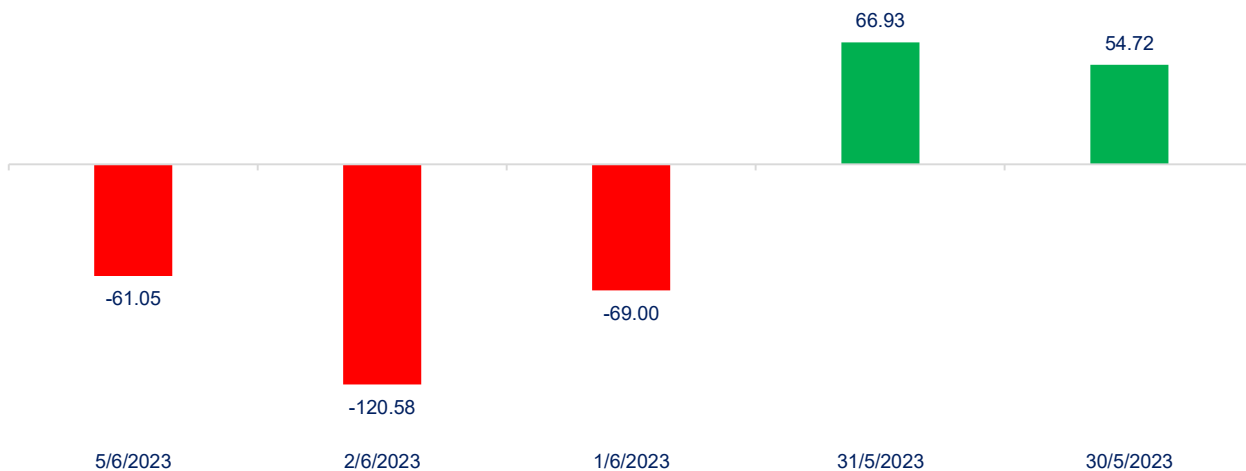
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-97.32	23.5%	3,881	17.0	4.0
CTG	-33.32	15.9%	3,548	8.1	1.2
HCM	-31.89	8.7%	1,517	18.1	1.6
MSN	-28.09	5.9%	1,537	47.0	2.8
NLG	-19.13	4.3%	1,467	22.1	1.0

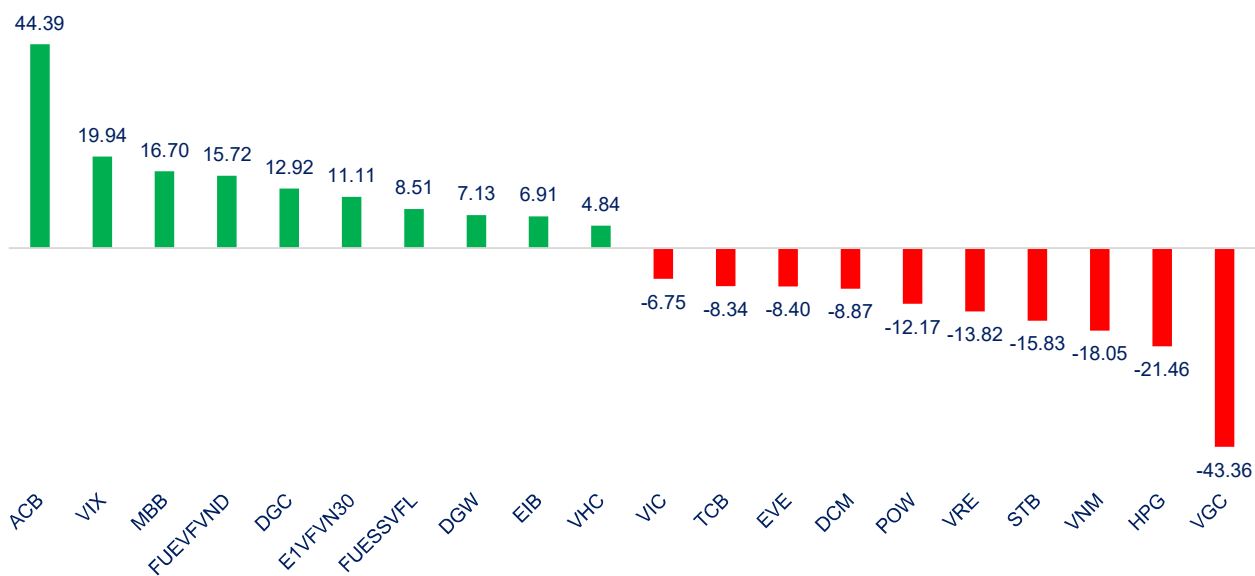


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
